

Bản án số: **564** /2020/HNGĐ- ST

Ngày: 24/12/2020

V/v: Không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Thế Lợi**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Phạm Tiến Lợi**

Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:
Bà Triệu Thị Hồng - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 553/2020/TLST- HNGĐ ngày 27/11/2020 về việc “*Không công nhận là vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2020/QĐXX-ST ngày 14/12/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Cao Văn M**, sinh năm 1969 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn NS, xã ML, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị L**, sinh năm 1972 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn NS, xã ML, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Cao Văn M trình bày:

Ông Cao Văn M và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau do tự nguyện, có được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo nghi thức truyền thống từ năm 1994 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống hai bên hòa thuận hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Do mâu thuẫn căng thẳng nên ông và bà L đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay, không còn tình cảm gì với nhau. Nay ông

đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà L có 02 con chung là Cao Thị H, sinh năm 1995 và Cao Văn K, sinh ngày 23/10/2004. Cháu H đã trưởng thành không có nhược điểm về thể chất, tinh thần. Ông M đồng ý theo nguyện vọng của cháu K.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về thời gian chung sống, điều kiện chung sống của bà và ông Cao Văn M như ông M đã trình bày. Quá trình chung sống, hai bên đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Bà và ông M đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay không ai còn quan tâm, trách nhiệm đến nhau. Nay ông M khởi kiện tại Tòa án, bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông M, đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông Cao Văn M là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông Cao Văn M có 02 con chung như ông M đã trình bày. Hiện tại cháu Cao Thị H đã trưởng thành không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần. Bà xin được nuôi cháu Cao Văn K, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận ông Cao Văn M và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng; Về con chung: Giao cháu Cao Văn K sinh năm 2004 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông M. Cháu Cao Thị H sinh năm 1995 đã trưởng thành; Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị L đang cư trú tại xã ML, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Cao Văn M và bà Nguyễn Thị L đều có đơn xin vắng mặt và đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân

sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định ông Cao Văn M và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1994. Tại thời điểm chung sống ông M và bà L đều đủ tuổi kết hôn nhưng cả hai đã không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, mặc dù ông Cao Văn M và bà Nguyễn Thị L đã có thời gian dài chung sống cùng nhau và có các con chung nhưng căn cứ các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp thì không xác định ông Cao Văn M và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng.

Vì vậy, việc ông M yêu cầu Tòa án không công nhận ông Cao Văn M và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng là có căn cứ chấp nhận.

2.2. Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông M và bà L có 02 con chung là Cao Thị H, sinh năm 1995 và Cao Văn K sinh năm 2004; cháu H đã trưởng thành không có nhược điểm về thể chất, tinh thần.

Xét việc xin nuôi con chung thấy: Nguyên vọng của cháu K đã trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ. Ông M cũng đồng ý theo nguyện vọng của cháu K. Vì vậy, cần giao cháu K cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông M có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L tự nguyện không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông M đến khi có sự thay đổi khác.

2.4. Về tài sản chung: Ông M và bà L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2.5. Về án phí: Ông M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Cao Văn M và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Cao Văn K, sinh ngày 23/10/2004 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Ông Cao Văn M có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông M đến khi có sự thay đổi khác.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Ông M và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Ông Cao Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0010350 ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, ông Cao Văn M và bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Lợi